

**DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, CÁC HỘ GIA ĐÌNH PHỤC VỤ CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG,
HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC DỰ ÁN ĐƯỜNG TỪ THÀNH PHỐ PLEIKU ĐI
TRUNG TÂM HUYỆN ĐẮK ĐOÀ (NAY LÀ XÃ ĐẮK ĐOÀ)**

Địa điểm: Thôn Ngol, xã Đắc Đa, tỉnh Gia Lai

Số TT	Số tờ BD	Số Thửa	Tổng Diện tích (m2)	Diện tích GPMB (m2)	Diện tích còn lại (m2)	Loại đất hiện trạng	Địa chỉ thửa đất	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ thường trú	Ghi chú
1	65	96	4515.0	429.7	4085.3	NTD	Thôn Ngol	Nghĩa địa thôn Ngol		
2	65	100	3588.7	219.5	3369.2	ODT+CLN	Thôn Ngol	Nưm	Thôn Ngol	
3	65	104	5076.5	190.1	4886.4	ODT+CLN	Thôn Ngol	Ten	Thôn Ngol	
4	65	110	1051.6	29.4	1022.2	CLN	Thôn Ngol	Hà Trọng Hoi	41a Trần Quang Khải, Phường Diên Hồng, Gia lai	
5	65	111	3370.1	250.7	3119.4	CLN	Thôn Ngol	A Nguirih	Thôn Ngol	
6	65	112	5975.2	1268.5	4706.7	NHK	Thôn Ngol	Y văn	Thôn Ngol	
7	65	120	3039.6	1457.6	1582	CLN	Thôn Ngol	Joah	Thôn Ngol	
8	65	122	1810.3	1078.1	732.2	CLN	Thôn Ngol	Kim Thoa (Thư)	Làng Ngol	
9	65	126	9855.1	954.4	8900.7	CLN	Thôn Ngol	Hleh	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
10	65	129	1293.1	133.9	1159.2	CLN	Thôn Ngol	Hren	Thôn Ngol	
11	65	130	4599.1	1678.5	2920.6	CLN	Thôn Ngol	Jon	Thôn Ngol	
12	65	135	11617	1059.2	10557.8	CLN	Thôn Ngol	Hà Trọng Hoi	41a Trần Quang Khải, Phường Diên Hồng, Gia lai	
13	65	140	1291	78.1	1212.9	NHK	Thôn Ngol	Phạm Thuý Diễm	Tổ Dân Phố 6, Thị Trấn Đăk Đoà, Huyện Đăk Đa, Tỉnh Gia Lai	
14	65	141	7690.1	1411.2	6278.9	CLN	Thôn Ngol	Byum	Thôn Ngol	
15	65	148	10767.8	702.8	10065	CLN	Thôn Ngol	Hà Trọng Hoi	41a Trần Quang Khải, Phường Diên Hồng, Gia lai	
16	65	207	2975.4	755.1	2220.3	CLN	Thôn Ngol	Byim	Thôn Ngol	
17	65	209	4057.8	1497	2560.8	NHK	Thôn Ngol	Vôih	Thôn Ngol	
18	65	212	2076.6	1142.1	934.5	CLN	Thôn Ngol	Jon	Thôn Ngol	

19	65	302	10893.8	2866.3	8027.5	DGT	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa	Thị trấn Đăk Đoa, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai	
20	65	303	8462.4	1029.4	7433	SON	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa	Thị trấn Đăk Đoa, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai	
21	65	304	11197.5	586.1	10611.4	CLN	Thôn Ngol	Phan Duy Tùng	Thôn 3, xã Kon Gang (Nam Yang cũ)	
22	65	306	2076.1	668.8	1407.3	CLN	Thôn Ngol	Then	Thôn Ngol	
23	65	307	3193.9	1495.2	1698.7	NTD	Thôn Ngol	Nghĩa địa làng Ngol	Thôn Ngol	
24	65	308	6283.7	3572.2	2711.5	CLN	Thôn Ngol	Kpă Bich (Nhân)	Thôn Ngol	
25	65	309	1459.0	1265.7	193.3	CLN	Thôn Ngol	Ten	Thôn Ngol	
26	65	310	1388.8	1044	344.8	CLN	Thôn Ngol	Ten	Thôn Ngol	
27	65	311	1241.8	551	690.8	CLN	Thôn Ngol	Bên	Thôn Ngol	
28	65	312	2611.1	205.1	2406	CLN	Thôn Ngol	Grun (cho con Hiếu)	Thôn Ngol	
29	65	314	993.0	168.4	824.6	CLN	Thôn Ngol	Naiih	Thôn Ngol	
30	65	315	3428.7	229.1	3199.6	ODT+CLN	Thôn Ngol	Vôi	Thôn Ngol	
31	65	316	1029.4	144.3	885.1	CLN	Thôn Ngol	Văn Đình Tiến	TDP8, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	
32	65	317	2513.7	776.6	1737.1	CLN	Thôn Ngol	Bich	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
33	65	318	936.7	628.2	308.5	CLN	Thôn Ngol	Angam	Làng Ngol	
34	65	319	4993.7	363.7	4630	ODT+CLN	Thôn Ngol	Hyaih	Làng Ngol	
35	65	320	6388.4	1103.5	5284.9	ODT+CLN	Thôn Ngol	Xaiih	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
36	65	321	2422.5	39.7	2382.8	CLN	Thôn Ngol	Thê	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
37	65	324	1371.7	91.5	1280.2	ODT+CLN	Thôn Ngol	Mlur	Thôn Ngol	
38	65	325	1645.9	105.3	1540.6	ODT+CLN	Thôn Ngol	Mlur	Thôn Ngol	
39	65	328	1792.3	0.8	1791.5	CLN	Thôn Ngol	Byim	Thôn Ngol	
40	65	330	707.5	46.8	660.7	DGT	Thôn Ngol	Đường GT		
41	66	11	8874.4	132.5	8741.9	NHK	Thôn Ngol	Phạm Tính	Thôn 1, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
42	66	18	2259.3	84	2175.3	CLN	Thôn Ngol	Rơ ma Y Vân	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
43	66	19	3679.8	435.4	3244.4	ODT+NHK	Thôn Ngol	Hà Văn Tùng		
44	66	23	2401.7	5.9	2395.8	NHK	Thôn Ngol	Mon	Làng Ngol, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	

45	66	47	9953.5	661.2	9292.3	CLN	Thôn Ngol	Ông Bình		
46	66	56	5962	219.2	5742.8	CLN	Thôn Ngol	Nguyễn Đình Lâm	Thôn 1, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
47	66	57	2237.6	47.7	2189.9	NHK	Thôn Ngol	Nguyễn Thái Dương	Thôn 1, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
48	66	58	4547.2	102.3	4444.9	NHK	Thôn Ngol	Nguyễn Thái Dương	Thôn 1, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
49	66	59	2401.2	50.1	2351.1	CLN	Thôn Ngol	Ngang	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
50	66	62	4811.2	218.5	4592.7	NHK	Thôn Ngol	Ông Nglaih		
51	66	64	17420.3	11064.2	6356.1	DGT	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa		
52	66	76	2509.2	380.2	2129	NHK	Thôn Ngol	Sôn	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
53	66	77	2159.1	310.9	1848.2	NHK	Thôn Ngol	Phyun	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
54	66	78	1703.8	217.6	1486.2	NHK	Thôn Ngol	Ploih	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
55	66	79	1282.2	185.6	1096.6	NHK	Thôn Ngol	Vang	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
56	66	80	2024.4	172.4	1852	CLN	Thôn Ngol	Trần Văn Tàu	TDP 2, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	
57	66	81	474.4	32.2	442.2	CLN	Thôn Ngol			
58	66	82	1863.6	99.6	1764	CLN	Thôn Ngol			
59	66	83	3476.6	129.8	3346.8	CLN	Thôn Ngol	Hen	Thôn Ngol, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	
60	66	87	3147.4	9.3	3138.1	CLN	Thôn Ngol	Rơ mah Plin	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
61	66	88	2261.3	96.4	2164.9	CLN	Thôn Ngol	YSai	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
62	66	89	2301.4	227.3	2074.1	CLN	Thôn Ngol	YSai	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
63	66	90	2524.8	72	2452.8	CLN	Thôn Ngol	Ông Phát	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
64	66	91	2216.3	70.6	2145.7	CLN	Thôn Ngol	Hyan	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
65	66	92	5269.1	161.9	5107.2	NTD	Thôn Ngol	Nghĩa địa làng Ngol		
66	66	93	5385.3	170.9	5214.4	CLN	Thôn Ngol	Đất làng		
67	66	94	4333.2	80.7	4252.5	NHK	Thôn Ngol	Ybăn	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	

68	66	95	2372.2	16.4	2355.8	NHK	Thôn Ngol	Đoàn Công Danh	Thôn 2, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
69	66	96	5002.7	39.8	4962.9	NHK	Thôn Ngol	Nguyễn Xuân Lộ	Thôn 6, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
70	66	97	1662.0	55.0	1607.0	NHK	Thôn Ngol	Đoàn Công Danh	Thôn 2, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
71	66	101	3752.2	385	3367.2	NHK	Thôn Ngol	Nguyễn văn Trung	Thôn 3, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
72	66	110	1940.4	39.5	1900.9	NHK	Thôn Ngol	Xuê	Làng Ngol, xã Đak Đoa, tỉnh Gia Lai	
73	66	111	1886.1	75.9	1810.2	NHK	Thôn Ngol	Phung		
74	66	112	2215.1	208.5	2006.6	CLN	Thôn Ngol	Phát	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
75	66	114	3023.5	878.5	2145	CLN	Thôn Ngol	Hnghi	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
76	66	115	1426.9	404.6	1022.3	NHK	Thôn Ngol	Thonh	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
77	66	116	1923.1	250.7	1672.4	NHK	Thôn Ngol	Nguyễn Thanh Dương	thuê Đất làng	
78	66	117	2683.6	391.4	2292.2	NHK	Thôn Ngol	Nguyễn Thanh Dương	thuê Đất làng	
79	66	118	1012.4	144.4	868	NHK	Thôn Ngol	Gli	Làng Thung Dôr, phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
80	66	119	3111.2	396	2715.2	NHK	Thôn Ngol	Hoàng Văn lộc	Thôn 1 phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
81	66	120	1098.5	136.7	961.8	NHK	Thôn Ngol	Hoàng Văn lộc	Thôn 1 phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
82	66	121	5361.7	3.6	5358.1	NHK	Thôn Ngol			
83	66	122	5764.2	601	5163.2	NHK	Thôn Ngol	Trương mạnh Chánh	Thôn 2 phường An Phú, tỉnh Gia Lai	
84	66	124	63.1	17.9	45.2	DTL	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa		
85	66	125	575.6	26.9	548.7	DTL	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa		
86	67	19	77916.4	4611.2	73305.2	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
87	67	20	73290.0	2956.1	70333.9	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
88	67	21	56965.3	1379.3	55586	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
89	67	23	74486.3	2357.5	72128.8	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
90	67	24	58010.7	87.8	57922.9	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
91	67	31	2850.2	284.8	2565.4	CLN	Thôn Ngol	Võ Thanh Long	Thôn 4, xã Đak Đoa	

92	67	32	3566.8	743.1	2823.7	CLN	Thôn Ngol	Võ Thanh Lân	Thôn 4, xã Đak Đoa	
93	67	120	19992.3	5561.6	14430.7	DGT	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa		
94	68	22	63391.9	2155.1	61236.8	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
95	72	1	67535.1	1867.2	65667.9	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
96	72	2	55454.2	1536.7	53917.5	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
97	72	161	1224.4	1224.4	0	DGT	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa		
98	73	3	3082.36	335.8	2746.6	CLN	Thôn Ngol			
99	73	4	3323.33	107.9	3215.4	CLN	Thôn Ngol			
100	73	5	44520.13	1453.5	43066.6	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
101	73	7	58883.35	1982.2	56901.2	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
102	73	31	3690.13	418.6	3271.5	TSC	Thôn Ngol	Chi cục thi hành án		
103	73	32	47223.6	1652.4	45571.2	CLN	Thôn Ngol	Công ty cao su Mang Yang		
104	73	40	9552.3	5447.3	4105	DGT	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa		
105	73	41	497.3	21.5	475.8	DTL	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa		
106	73	42	1753.4	31.6	1721.8	DTL	Thôn Ngol	UBND xã Đak Đoa		
Tổng			1041246	87043.4	954202.5					
							Tổng diện tích (m2)	DT thu hồi (m2)	DT còn lại (m2)	
	Tổng diện tích						1041245.9	87043.4	954202.5	
	Trong đó:									
	Diện tích đất ở, đất trồng cây lâu năm (ODT+CLN)						26493.6	2302.7	24190.9	
	Diện tích đất ở, đất trồng cây lâu năm (ODT+NHK)						3679.8	435.4	3244.4	
	- Diện tích đất trồng cây lâu năm (CLN)						838081.17	46996.5	791084.7	
	- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác (NHK)						85180.8	7465.5	77715.3	
	- Diện tích đất thủy lợi (DTL)						2889.4	97.9	2791.5	
	- Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD)						12978	2086.8	10891.2	
	- Diện tích đất xây dựng trụ sở(TSC)						3690.13	418.6	3271.5	
	- Diện tích đất giao thông nằm trong hành lang (DGT)						59790.6	26210.6	33580	
	- Diện tích đất sông suối nằm trong hành lang (SON)						8462.4	1029.4	7433	